

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP ĐẠI PHÁT

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP ĐẠI PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAIPHAT INDUSTRIAL EQUIPMENT AND TRADING INVESTMENT JOIN STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DAIPHAT.I.T.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108101250

3. Ngày thành lập: 19/12/2017

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 21, ngách 42, ngõ 120 đường Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02436408792

Fax: 02436408804

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản (Điều 3 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014) | 6820        |
| 2.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                       | 2511        |
| 3.  | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                          | 2593        |
| 4.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                           | 2610        |
| 5.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                       | 7410(Chính) |
| 6.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                       | 4933        |
| 7.  | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                          | 2790        |
| 8.  | Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)                                                                                               | 2811        |
| 9.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                               | 3313        |
| 10. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                               | 3314        |
| 11. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                              | 3320        |
| 12. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                        | 3700        |
| 13. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                | 4100        |
| 14. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                            | 4210        |
| 15. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                         | 4220        |
| 16. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                     | 4633        |
| 17. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                    | 4669        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 19. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                           | 5621 |
| 20. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                             | 2599 |
| 21. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                 | 2733 |
| 22. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                               | 2750 |
| 23. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                         | 4322 |
| 24. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                          | 4329 |
| 25. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652 |
| 26. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690 |
| 27. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                      | 2640 |
| 28. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4290 |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 30. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330 |
| 31. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390 |
| 32. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới                                                                                                                 | 4610 |
| 33. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                      | 4632 |
| 34. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649 |
| 35. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                     | 4651 |
| 36. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                         | 4659 |
| 37. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663 |
| 38. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 39. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742 |
| 40. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 41. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                    | 5629 |
| 42. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630 |
| 43. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592 |
| 44. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                               | 2620 |
| 45. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                          | 2651 |
| 46. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                          | 2710 |
| 47. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                     | 2731 |
| 48. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                  | 2732 |
| 49. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                       | 2740 |

|     |                                                     |      |
|-----|-----------------------------------------------------|------|
| 50. | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác          | 2813 |
| 51. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                          | 3312 |
| 52. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động    | 5610 |
| 53. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan | 7110 |
| 54. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác | 7730 |
| 55. | Sản xuất thiết bị truyền thông                      | 2630 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức              | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | MAI ĐỨC HIỆP        | Số 206, Khu 8, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông | 600.000    | 6.000.000.000         | 60,000    | 151586464                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                   | Tổng số           | 600.000    | 6.000.000.000         | 60,000    |                                                                                             |         |
| 2   | MAI VĂN LỆ          | Số 206, Khu 8, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    | 0340520013<br>81                                                                            |         |
|     |                     |                                                                                                   | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
| 3   | HOÀNG THỊ THANH VÂN | số 34, ngõ 61, phố khương trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 300.000    | 3.000.000.000         | 30,000    | 011946089                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                   | Tổng số           | 300.000    | 3.000.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: MAI ĐỨC HIỆP

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 04/07/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 151586464

Ngày cấp: 14/09/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 206, Khu 8, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 21, ngách 42, ngõ 120 đường Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội